

SỬ DỤNG MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ - CHƯƠNG TRÌNH 2018

Trần Thị Thùy Dung¹

TÓM TẮT

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo là một trong những năng lực chung rất quan trọng, cần hình thành và phát triển cho học sinh trung học phổ thông. Bài viết đề cập một số phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trong giờ học nội khóa môn Lịch sử ở trường trung học phổ thông. Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp đóng vai cùng các kỹ thuật dạy học tích cực có những ưu – nhược riêng nhưng góp phần nâng cao chất lượng dạy học, tăng sự tự tin, thái độ học tập của học sinh và giúp các em phát triển các năng lực cần thiết, trong đó có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, hướng tới việc thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước.

Từ khóa: *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, dạy học lịch sử*

1. Mở đầu

Để nâng cao chất lượng giáo dục, cần đổi mới từ mục tiêu, chương trình, sách giáo khoa đến phương pháp dạy học và cả khâu kiểm tra đánh giá. Phương pháp dạy học chuyển từ “truyền thụ một chiều” sang việc học sinh (HS) chủ động khám phá và chiếm lĩnh kiến thức, theo hướng lĩnh hội sáng tạo hơn lĩnh hội tái tạo với trọng tâm là chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất cho người học. Mục tiêu của Chương trình giáo dục trung học phổ thông năm 2018 – Chương trình tổng thể khẳng định “giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động,

khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới” [1, tr. 6], góp phần đào tạo nguồn nhân lực có đủ phẩm chất, năng lực để thích ứng, phát triển một cách bền vững trước sự chuyển động không ngừng của xã hội.

Trong dạy học nói chung và dạy học Lịch sử nói riêng, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo là một trong những năng lực cốt lõi, cơ bản, thiết yếu, cần hình thành cho HS. Để phát triển năng lực này, giáo viên (GV) cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, đưa HS vào các tình huống có vấn đề, buộc HS suy nghĩ để giải quyết. Bài viết đưa ra một số phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS trong giờ học nội khóa môn Lịch sử ở trường trung học phổ thông (THPT) để có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống,

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: ttthuydung87@gmail.com

nhất là phát triển các nghề nghiệp dựa trên kiến thức lịch sử, văn hóa đã học.

2. Nội dung

2.1. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trong dạy học Lịch sử

Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 – Chương trình tổng thể được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh, bao gồm ba năng lực chung: năng lực tự chủ

và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; và bảy năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ và năng lực thể chất. Theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 – Chương trình tổng thể, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo đối với HS cấp THPT được mô tả như sau:

STT	Năng lực thành phần	Biểu hiện
1	Nhận ra ý tưởng mới	- Xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; - Phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
2	Phát hiện và làm rõ vấn đề	- Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; - Phát hiện và nêu tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
3	Hình thành và triển khai ý tưởng mới	- Nêu ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; - Hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
4	Đề xuất, lựa chọn giải pháp	- Thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; - Đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
5	Thiết kế và tổ chức hoạt động	- Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp; - Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động; - Điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao; - Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
6	Tư duy độc lập	- Đặt câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; - Quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

(Nguồn: [1, tr. 49-50])

Chương trình môn Lịch sử ở trường THPT “có sứ mệnh giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học, đồng thời góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể”, “Chương trình môn Lịch sử hệ thống hóa, củng cố kiến thức thông sử ở giai đoạn giáo dục cơ bản, đồng thời giúp học sinh tìm hiểu sâu hơn các kiến thức lịch sử cốt lõi thông qua các chủ đề, chuyên đề học tập về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam” [2, tr. 3]. Trục phát triển chính của chương trình là hệ thống các chủ đề và chuyên đề về những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới, lịch sử khu vực và lịch sử Việt Nam, nhằm nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà HS đã được học ở cấp trung học cơ sở. Chương trình đảm bảo cho HS tiếp cận một cách toàn diện các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng... của dân tộc và nhân loại trong các thời kỳ lịch sử, tạo cơ sở định hướng để HS có điều kiện thuận lợi hơn trong việc học tập các môn khác.

So với chương trình hiện hành, chương trình Lịch sử mới lấy việc phát triển năng lực và phẩm chất cho HS làm mục đích chủ đạo, trong đó vai trò dẫn dắt của GV, vai trò chủ động, tích cực của HS được đặc biệt coi trọng và phát huy. Bên cạnh việc phát triển các thành phần của năng lực lịch sử: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học, môn Lịch sử cùng các môn học khác góp phần hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, trong đó có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Trong dạy học môn Lịch sử, GV đưa ra các “vấn đề” gắn liền với thực tiễn hoặc những tình huống chứa đựng mâu thuẫn nhận thức thúc đẩy HS suy nghĩ, tư duy, tìm tòi, chủ động, đưa ra các giả thuyết để giải quyết vấn đề, tìm ra đáp án của câu hỏi, đồng thời HS phải tự giác đề xuất, lập kế hoạch giải quyết vấn đề. Mặt khác, để giải quyết được các tình huống có vấn đề một cách hiệu quả, HS phải có thái độ tích cực, phải kiên trì, nhẫn nại, chủ động đề ra những kế hoạch, cách thức giải quyết vấn đề, xử lý các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo để giải quyết các tình huống có vấn đề một cách hiệu quả. Chính trong quá trình giải quyết các tình huống “có vấn đề” đó, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết, ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật lịch sử; tìm logic trong cách thức giải quyết vấn đề; vận dụng bài học kinh nghiệm lịch sử trong thực tế cuộc sống...

2.2. Sử dụng một số phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông trong giờ học nội khóa môn Lịch sử

2.2.1. Sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề

Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội quy định: “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyên biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi

học sinh” [1, tr. 3]. Đáp ứng mục tiêu trên, việc dạy học Lịch sử ở trường THPT không chỉ cung cấp các sự kiện, nhân vật lịch sử mà còn phát huy tính tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, hình thành và phát triển các năng lực cần thiết, trong đó có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Việc sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề gắn liền với tình huống có vấn đề là một trong những biện pháp hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Tình huống có vấn đề đặt HS trước một khó khăn về nhận thức, đòi hỏi HS phải HS huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, dựa trên kiến thức đã có của mình hoặc những dữ kiện mà GV cung cấp, dẫn đến hiểu biết mới của HS, HS hiểu bản chất của sự kiện, hiện tượng, giải quyết các tình huống có vấn đề một cách tích cực và sáng tạo.

Trong dạy học môn Lịch sử, tình huống có vấn đề được sử dụng trong nhiều hoạt động của quá trình dạy học, một mặt tạo động cơ hứng thú học tập cho các em, mặt khác đòi hỏi HS phải độc lập suy nghĩ, tìm tòi phân tích, lý giải rút ra kết luận đúng đắn về bản chất, đặc trưng của sự kiện, hiện tượng, quy luật lịch sử. Có nhiều loại tình huống có vấn đề: tình huống nghịch lý (HS đứng trước một sự lựa chọn giữa hai hay nhiều phương án giải quyết và lý giải sự lựa chọn của mình); tình huống bác bỏ (đòi hỏi HS phải phủ định một nhận định, kết luận chưa đúng hoặc chỉ đúng một phần và chứng minh, giải thích tính chưa chính xác đó); tình huống “vì sao” (đòi hỏi HS phải sử dụng những kiến thức hoặc những thông tin GV cung cấp để lý giải một vấn đề lịch sử). GV là người đưa ra tình huống có vấn đề hoặc GV và HS

cùng đưa ra hoặc HS là người chủ động lựa chọn “vấn đề” cần giải quyết trong buổi học, đó là những vấn đề HS quan tâm, hay những vấn đề mới lạ, kích thích tư duy, khuyến khích HS suy nghĩ, tìm ra đáp án, tìm ra tri thức mới, vừa thể hiện tính chủ động trong học tập của HS vừa giải đáp những mong muốn khi học chủ đề/bài học của HS.

Ví dụ trong quá trình dạy chuyên đề “Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam (Lịch sử 12), khi dạy đến phần Hồ Chí Minh lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và chống Mỹ (1954 - 1969)”, với mục đích nêu bật vai trò của Bác trong việc lựa chọn các biện pháp đối phó với Tưởng, Pháp giai đoạn 1945 - 1946 trong tình thế nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám như “ngàn cân treo sợi tóc” nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, thù trong giặc ngoài, GV có thể đưa ra bài tập gắn với tình huống có vấn đề như sau:

Bước 1: Đặt vấn đề “*Có ý kiến cho rằng: Chúng ta ký Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 và Tạm ước 14/9 với Pháp là vi phạm đến độc lập, chủ quyền của dân tộc. Em có đồng ý không? Tại sao?* hoặc GV sử dụng tình huống “*tại sao*”: “*Tại sao ngày 19/12/1946, Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến?*”.

Cả hai vấn đề trên đều đề cập một giai đoạn lịch sử đầy khó khăn của nước ta: nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa non trẻ vừa ra đời đã phải đối phó với nhiều kẻ thù: Ở miền Bắc, với danh nghĩa Đồng minh giải giáp quân Nhật, hai mươi vạn quân Tưởng vào đóng quân từ bắc vĩ tuyến 16 đến biên giới Việt - Trung, tìm mọi cách lật đổ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện cho lực lượng tay sai lên nắm chính quyền. Ở miền

Nam, với danh nghĩa giải giáp quân Nhật, quân đội Anh vào đóng ở miền Nam, giúp quân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam, được sự ủng hộ của quân đội Anh. Ngay trong ngày 2-9-1945, quân Pháp đã nổ súng giết hàng chục người khi đồng bào ta đang mít tinh mừng ngày độc lập ở Sài Gòn. Ngày 23-9-1945, Pháp tiến công Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần hai. Tình hình phức tạp, cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù đã đặt ra muôn vàn khó khăn cho chính thể cộng hòa non trẻ Việt Nam, đòi hỏi những quyết sách đúng đắn, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn các giải pháp tối ưu nhất trong tình hình “thù trong giặc ngoài” lúc bấy giờ, mặt khác thể hiện thiện chí hòa bình của dân tộc Việt Nam.

Bước 2: Giải quyết vấn đề: HS tìm kiếm, thu thập thông tin, dữ kiện, dựa vào kiến thức đã học và hướng dẫn của giáo viên; đề xuất các biện pháp giải quyết và lựa chọn biện pháp thích hợp nhất.

Bước 3: Đưa ra sự lựa chọn/câu trả lời của cá nhân.

Các tình huống trên đặt HS trước “vấn đề” cần giải quyết, dựa vào những kiến thức đã học và sự hướng dẫn, định hướng của GV, HS sẽ bình luận, giải thích và đặc biệt phải đưa ra ý kiến của cá nhân đối với các vấn đề mà đề bài đưa ra. HS có thể đồng ý một phần hoặc toàn bộ ý kiến nào đó (theo cá nhân) và phải đưa ra các lý giải cụ thể về sự lựa chọn đó. Tình huống có vấn đề trên giúp HS rèn luyện khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề, khả năng tư duy, so sánh, phân tích, bình luận, giải thích và có cái nhìn khách quan, đa chiều, nhận thức đúng đắn về một sự kiện, đánh giá đúng vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lịch sử.

GV cũng có thể sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề với việc đưa ra các tình huống gắn với thực tiễn một mặt giúp HS phát triển năng lực, mặt khác giúp các em có hành động đúng trong cuộc sống. Ví dụ: khi dạy chủ đề “Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông” (Lịch sử 11), để trình bày về Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông và chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam nói chung, GV có thể sử dụng tình huống có tính thực tiễn, kết nối quá khứ – hiện tại – tương lai.

Bước 1: Đặt vấn đề

“Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu ngươi dám đem một thước một tấc đất của Thái tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di” [3, tr. 478].

“Thà hy sinh chứ không chịu mất đảo! Hãy để cho máu của mình tô thắm lá cờ truyền thống của Quân chủng hải quân anh hùng...” [4].

1. Hai câu nói trên là của ai? Ra đời trong hoàn cảnh nào?

2. Em suy nghĩ gì về tinh thần đấu tranh bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, trong đó có chủ quyền biển đảo của nhân dân ta.

3. Là học sinh, em cần làm gì để tham gia vào việc bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương (đề xuất một số hình thức và biện pháp).

Bước 2: Giải quyết vấn đề: HS tìm kiếm, thu thập thông tin, dữ kiện, dựa vào kiến thức đã học và hướng dẫn của

GV; đề xuất các biện pháp giải quyết và lựa chọn biện pháp thích hợp nhất.

Bước 3: Đưa ra câu trả lời của cá nhân.

Đây là một tình huống có giá trị trong việc định hướng hành động của HS trong thực tiễn, HS thấy rõ trách nhiệm của bản thân đối với đất nước, không chỉ hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo mà còn góp phần phát triển phẩm chất: yêu nước, trách nhiệm... cho HS THPT.

Như vậy, thông qua các tình huống có vấn đề, GV giúp HS tự mình chiếm lĩnh kiến thức, củng cố kiến thức đã học; hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đây là một trong những năng lực rất quan trọng cần hình thành cho HS trong dạy học môn Lịch sử ở trường THPT.

2.2.2. Sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực kết hợp với hoạt động nhóm

Kỹ thuật dạy học tích cực là kỹ thuật dạy học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoạt động dạy và học. Nó giúp phát huy tính tích cực, chủ động của HS trong quá trình dạy học; góp phần tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, kích thích tư duy, đánh thức sự sáng tạo của HS, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cho người học một cách đầy đủ. Kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng trong dạy học bao gồm: kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật động não, kỹ thuật XYZ, kỹ thuật “bể cá”, kỹ thuật “ổ bìa”, tranh luận ủng hộ – phản đối...

Ví dụ: khi dạy chủ đề “Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945)” (Lịch sử 11), ở mục “Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu”, GV có thể sử dụng

kỹ thuật khăn trải bàn kết hợp thảo luận nhóm nhằm phát triển năng lực cho HS.

Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (4 HS/nhóm), giao vấn đề cần thảo luận:

1. Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến/khởi nghĩa chống ngoại xâm trong từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII theo nội dung: tên cuộc kháng chiến/khởi nghĩa, thời gian, lãnh đạo, thắng lợi tiêu biểu, nét độc đáo về nghệ thuật quân sự.

2. Giải thích các nguyên nhân dẫn đến thắng lợi/thất bại của các cuộc kháng chiến/khởi nghĩa chống xâm lược. Trong các nguyên nhân đó, theo em, nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Vì sao?

3. Các cuộc kháng chiến/khởi nghĩa trên đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta? Bài học kinh nghiệm đó được Đảng và Nhà nước ta ứng dụng như thế nào trong vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay?

Bước 2: GV phát giấy A0 cho HS, các nhóm tiến hành làm việc.

Bước 3: Mỗi cá nhân HS làm việc độc lập, tự suy nghĩ, huy động kiến thức đã học để trả lời vấn đề được giao, viết ý kiến của mình vào tờ giấy A0.

Bước 4: Trên cơ sở ý kiến của các cá nhân, nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến của nhóm và viết vào giấy A0.

Bước 5: HS trình bày kết quả làm việc của nhóm.

Kỹ thuật khăn trải bàn là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, trong đó mỗi HS đều phải đưa ra ý kiến của mình về vấn đề đang thảo luận, kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS với tập thể, với nhóm, từ đó phát triển phẩm chất, năng

lực cần thiết, trong đó có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Hoặc khi GV dạy chủ đề “Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)” (Lịch sử 11), mục “Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858 (cải cách Hồ Quý Ly)”, GV có thể sử dụng kỹ thuật tranh luận ủng hộ - phản đối với vấn đề “Hồ Quý Ly – đáng minh quân cải cách hay kẻ gian hùng?”. Vấn đề thảo luận này một mặt giúp HS khắc sâu kiến thức, hình thành và phát triển các năng lực cần thiết, mặt khác các em thể hiện quan điểm cá nhân trong nhìn nhận, đánh giá về một nhân vật, hiện tượng trong lịch sử.

Bước 1: GV chia lớp thành 2 nhóm theo 2 hướng ý kiến đối lập nhau, việc chia nhóm có thể tiến hành một cách ngẫu nhiên hoặc để HS tự chọn theo quan điểm của mình, nhưng dù theo cách nào cũng không nên để số HS ở 2 nhóm chênh lệch quá nhiều.

Nhóm 1: Hồ Quý Ly là một đáng minh quân cải cách;

Nhóm 2: Hồ Quý Ly là kẻ gian hùng.

Bước 2: Mỗi nhóm tiến hành thảo luận, thu thập những luận cứ, luận điểm, sự kiện để bảo vệ quan điểm nhóm mình và phản đối nhóm đối lập.

Bước 3: Mỗi nhóm cử đại diện trình bày lập luận của mình, nhóm ủng hộ đưa ra một lập luận ủng hộ, tiếp đó nhóm phản đối đưa ra một ý kiến phản đối và cứ tiếp tục như vậy.

Bước 4: Thảo luận chung, đánh giá và kết luận.

Tranh luận ủng hộ - phản đối là một kỹ thuật dùng trong thảo luận nhóm và thường được sử dụng trong các vấn đề có chứa đựng xung đột, đòi hỏi phải có cái

nhìn đa chiều trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề. Hồ Quý Ly là một nhân vật lớn trong lịch sử Việt Nam và có lẽ là một trong những nhân vật nhận được nhiều ý kiến đánh giá khác nhau theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực. Hồ Quý Ly xuất hiện trong lịch sử với hai tư cách: người sáng lập triều Hồ và nhà cải cách. Dù với tư cách nào, Hồ Quý Ly cũng là một nhân vật nhận được nhiều ý kiến khen – chê khác nhau. Vì vậy, khi lựa chọn chủ đề cho buổi tranh luận, một nhân vật “lưỡng tuyến” như Hồ Quý Ly sẽ tạo nên những ý kiến trái chiều, người ủng hộ, người phản đối. HS sẽ được tự do suy nghĩ, lựa chọn quan điểm cá nhân, đưa ra các luận điểm chứng minh cho lựa chọn của mình. Buổi tranh luận sẽ trở nên hấp dẫn, giúp HS phát triển năng lực của mình.

Trong quá trình tranh luận, mỗi lập luận của HS trong nhóm đưa ra đặt HS nhóm khác đứng trước một vấn đề cần giải quyết, cần trình bày các lập luận, sự kiện, giải thích để phản đối quan điểm của nhóm bạn. Tuy nhiên, cần lưu ý mục tiêu của tranh luận không phải là nhằm “đánh bại” ý kiến đối lập mà là xem xét chủ đề dưới nhiều phương diện khác nhau. Buổi tranh luận với chủ đề về nhân vật Hồ Quý Ly nhằm mục tiêu giúp HS tự chiếm lĩnh kiến thức, phát hiện và giải quyết vấn đề. Mặt khác, HS sẽ “tập làm nhà nghiên cứu khoa học”, hình thành quan điểm khách quan, khoa học trong nhận xét, đánh giá nhân vật lịch sử. Qua buổi tranh luận đó, năng lực ngôn ngữ, giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, hình thành và phát triển, đáp ứng những yêu cầu của cuộc sống hiện tại và tương lai, bổ ích cho bản thân HS và cho sự phát triển xã hội.

2.2.3. Sử dụng phương pháp dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án là một phương pháp dạy học lấy HS làm trung tâm, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết thực tiễn, thực hành, có tạo ra các sản phẩm cụ thể. Các nhiệm vụ được đưa ra mang tính mở, khuyến khích HS tìm tòi, hiện thực hóa những kiến thức đã học trong quá trình thực hiện, tạo ra những sản phẩm của chính mình. Dạy học theo dự án rất phù hợp với những chủ đề học tập gắn với thực tế cuộc sống của HS, tạo cơ hội cho các em chuyển từ hình thức học thụ động sang chủ động, thay đổi thái độ học tập.

Dạy học theo dự án có ưu thế trong việc phát triển năng lực nói chung, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo nói riêng cho HS. Thứ nhất, giúp HS hướng tới các vấn đề của thực tiễn, phát triển năng lực tự chủ và tự học, hợp tác và giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy, phân tích, HS độc lập giải quyết vấn đề để đưa ra các sản phẩm. Thứ hai, để thực hiện một dự án HS phải tích cực tham gia từ khâu xác định vấn đề, giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định, góp phần tích cực hóa hoạt động học tập của HS, hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Ví dụ: khi dạy chuyên đề “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam” (Lịch sử 10), ở mục “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa”, GV có thể vận dụng dạy học theo dự án.

Bước 1: GV tổ chức chia nhóm HS (4 nhóm, có thể chia theo tổ).

Bước 2: GV đặt vấn đề và giao nhiệm vụ dự án với chủ đề “Tuổi trẻ chúng em

chung tay bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa”, thực hiện 4 nhiệm vụ:

Nhóm 1: Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hóa (vật thể, phi vật thể, di sản thiên nhiên) tiêu biểu trên bản đồ. Giới thiệu những nét cơ bản về một trong số những di sản văn hóa đó. Liên hệ địa phương em đang sinh sống.

Nhóm 2: Tại sao chúng ta cần phải bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa? Theo em, trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa hiện nay, việc bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa có cần thiết hay không? Vì sao?

Nhóm 3: Trình bày những thành tựu, hạn chế trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam những năm gần đây. Liên hệ địa phương em đang sinh sống.

Nhóm 4: Là HS THPT, em hãy đề xuất các hình thức, biện pháp để cùng tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Bước 3: GV thông báo cụ thể về sản phẩm (đầu ra) và thời gian thực hiện của dự án. Về sản phẩm (đầu ra) gồm: 01 bài báo cáo (dưới dạng PowerPoint hoặc clip) do nhóm thiết kế liên quan đến nhiệm vụ được giao; 01 tập san thể hiện kết quả nghiên cứu của nhóm; thời gian thực hiện dự án là 2 tuần.

Bước 4: GV đưa ra các tiêu chí đánh giá dự án của từng nhóm.

Để thực hiện nhiệm vụ của dự án, HS phải thảo luận, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm: xác định vấn đề cần giải quyết; tự tìm kiếm và xử lý thông tin; thiết kế bài PowerPoint và tập san về nhiệm vụ được giao; thuyết trình, báo cáo kết quả nghiên cứu. Với dạy học theo dự án, HS sẽ là

trung tâm của quá trình dạy học, tự chủ trong việc học, đưa ra kế hoạch và hoàn thành kế hoạch trong thời gian cho phép. Trong quá trình thực hiện dự án, mỗi HS có điều kiện phát huy sở trường của mình và rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, công nghệ thông tin, tự hoàn thiện bản thân, hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực cần thiết, trong đó có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

2.2.4. Sử dụng phương pháp đóng vai

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, đóng vai là “thể hiện nhân vật trong kịch bản lên sân khấu hay màn ảnh bằng hành động, nói năng như thật” [5, tr. 332]. Phương pháp đóng vai là một trong những phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo ở HS, có tác dụng to lớn trong tạo hứng thú và động cơ học tập, giúp hình thành niềm đam mê nghề nghiệp cho các em.

Hiện nay, phương pháp đóng vai được sử dụng nhiều trong dạy học, đặc biệt là dạy học Lịch sử và có thể áp dụng trong các giờ học nội khóa, ngoại khóa, hoặc trong kiểm tra đánh giá dưới hai hình thức: đóng vai nhân vật (nhân vật lịch sử và nhân vật giả định), đóng vai tình huống và trong một số trường hợp có thể kết hợp cả hai. Sử dụng phương pháp đóng vai trong dạy học Lịch sử không những giúp HS có thể hòa cùng không khí, nhân vật, biến cố lịch sử mà còn giúp các em hình thành và phát triển những năng lực cần thiết (ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo). Hình thức đóng vai nhân vật lịch sử (nhân vật lịch sử có ba kiểu: chính diện, phản diện hay “lưỡng tuyến”) đòi hỏi HS phải có sự tìm hiểu từ các nguồn thông

tin: kênh chữ, kênh hình trong sách giáo khoa, sách tham khảo, internet... về nhân vật để có thể khắc họa rõ nét ngoại hình và thần thái của nhân vật, đồng thời đặt bản thân vào hoàn cảnh của nhân vật để suy ngẫm, giải quyết vấn đề đặt ra. Còn với nhân vật giả định, HS phải tưởng tượng về nhân vật mình hóa thân bằng vốn hiểu biết của mình, qua những thông tin, dữ liệu được GV cung cấp hoặc tự mình tìm hiểu, vai diễn mới sinh động và hấp dẫn. Nhưng có lẽ đây là phần đóng vai mà HS có thể tự do sáng tạo, không bị bó buộc vào một khuôn mẫu cụ thể nào. Người học được bộc lộ khả năng tự nhận thức, khả năng giao tiếp, tự giải quyết vấn đề, được rèn luyện khả năng thực hành, điều chỉnh hành vi thái độ theo hướng tích cực trong cuộc sống. Trong hình thức đóng vai tình huống, GV tạo tình huống và HS giải quyết tình huống, từ đó các em hiểu sâu sắc nội dung bài học, nắm vững kỹ năng, được đặt vào vị trí trung tâm của hoạt động, phát triển năng lực nhận thức, tư duy sáng tạo.

Ví dụ: khi dạy “Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945)” (Lịch sử 11), GV có thể tổ chức cho HS đóng vai nhân vật như sau: “*Hãy tưởng tượng mình là một người dân Đại Việt được nghe Bình Ngô đại cáo do Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi tuyên cáo với toàn dân về việc giành chiến thắng trong cuộc kháng chiến với nhà Minh*”. Cũng trong chủ đề này, GV có thể tổ chức cho HS đóng vai như sau: “*Hãy tưởng tượng em là hướng dẫn viên để giới thiệu cho một đoàn khách du lịch khi đến thăm Khu di tích chiến thắng Rạch Gầm –*

Xoài Mút toạ lạc tại ấp Đông, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang”. Đây đều là các nhân vật giả định, nhưng vị trí, hoàn cảnh khác nhau: một nhân vật là dân Đại Việt được sống trong giây phút đất nước giải phóng, thoát khỏi ách đô hộ của nhà Minh sau hai mươi năm, được nghe áng thiên cổ hùng văn có giá trị như bản Tuyên ngôn độc lập của dân tộc; một nhân vật của thời hiện đại nhìn về quá khứ, thuật lại trận đánh hào hùng của ông cha ta. Hai nhân vật, hai tình huống khác nhau nhưng đều giúp các em hiểu được giá trị của hòa bình, tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam. Việc đóng vai đòi hỏi HS phải động não, suy nghĩ, giải quyết vấn đề phù hợp với nhân vật và tình huống đưa ra, hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất cần thiết: ngôn ngữ, giải quyết vấn đề và sáng tạo, yêu nước, trách nhiệm...

Tuy nhiên, để phương pháp đóng vai phát huy hiệu quả cao nhất thì GV và HS phải có sự chuẩn bị chu đáo từ khâu chọn nội dung, nhân vật, viết và sửa kịch bản cho HS, tính toán thời gian trong một bài nội khóa, thu thập thông tin...

3. Kết luận

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo là một trong những năng lực chung, được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục. Việc sử dụng các biện pháp dạy học nhằm phát triển năng lực này cho HS trong dạy học Lịch sử ở THPT là rất cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và hứng thú học tập của HS. Mặt khác, việc hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho người học ở nhà trường sẽ góp phần trang bị năng lực giải quyết nhanh chóng vấn đề xảy ra trong công việc, cuộc sống hằng ngày.

Tuy nhiên, trong quá trình dạy học, việc vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa GV và HS. GV đóng vai trò hướng dẫn, định hướng, vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, phù hợp mục tiêu, nội dung, trình độ của người học. HS tích cực tham gia, tìm tòi, hứng thú với các hoạt động, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần phát triển phẩm chất và năng lực người học, trong đó có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), “Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể”, <https://data.moet.gov.vn/index.php/s/LETzPhj5sGGnDii#pdfviewer> (truy cập ngày 21/11/2021)
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), “Chương trình giáo dục phổ thông – Môn Lịch sử”, <https://data.moet.gov.vn/index.php/s/Pjk1JJicg7CxsnP#pdfviewer> (truy cập ngày 21/11/2021)
3. *Đại Việt sử ký toàn thư*, <https://quangduc.com/a4696/dai-viet-su-ky-toan-thu-pdf> (truy cập ngày 7/9/2021)
4. Mai Thắng (2014), “Gạc Ma lịch sử không thể nào quên!”, <http://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin/?gac-ma-lich-su-khong-the-nao-quen/139171> (truy cập ngày 21/11/2021)
5. Viện Ngôn ngữ (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng

**USING A NUMBER OF TEACHING METHODS AND TECHNIQUES TO
DEVELOP THE PROBLEM – SOLVING AND CREATIVITY
COMPETENCY FOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN TEACHING
HISTORY – PROGRAM 2018**

ABSTRACT

Problem-solving and creativity capacity is one of the most important general competencies that should be formed and developed for high school students. The article mentions several teaching methods and techniques that the teachers can use to develop the creativity and problem – solving capability for high school students in teaching History. Problem-solving teaching methods, project-based teaching methods, role-playing methods and active teaching techniques have both advantages and disadvantages but all could contribute to improving teaching quality, increasing self-confidence, students' learning attitudes and help them develop necessary competencies, including problem solving and innovation, towards realizing the goal of education and training of human resources for our country.

Keywords: *Problems solving and creativity competency, teaching History*

(Received: 8/9/2021, Revised: 24/11/2021, Accepted for publication: 31/8/2022)